

BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số /BC-HĐND ngày tháng 4 năm 2023 của Ban Dân tộc HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

Nội dung	Kế hoạch huy động, phân bổ nguồn lực năm 2023								
	Tổng số	Ngân sách đầu tư trực tiếp					Vốn lồng ghép	Tín dụng	DN, tổ chức, cá nhân
		Tổng số	NSTU		NSDP				
			ĐTPT	SN	ĐTPT	SN			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
CỘNG	851.598	812.598	395.135	377.235	21.337	18.891	0	39.000	0
1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	112.427,0	78.427,0	56.544,0	17.933,0	3.053,0	897,0	0,0	34.000,0	0,0
a) Nội dung số 01: Hỗ trợ đất ở	2.732,0	1.232,0	1.120,0		112,0			1.500,0	
b) Nội dung số 02: Hỗ trợ nhà ở	32.588,0	16.588,0	15.080,0		1.508,0			16.000,0	
c) Nội dung số 03: Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề	27.025,0	10.525,0	2.408,0	7.730,0	0,0	387,0		16.500,0	
d) Nội dung số 04: Hỗ trợ nước sinh hoạt	50.082,0	50.082,0	37.936,0	10.203,0	1.433,0	510,0			
2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	42.169,0	42.169,0	40.009,0		2.160,0				
3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	195.391,0	190.391,0	8.286,0	173.007,0	447,0	8.651,0	0,0	5.000,0	0,0
a) Tiêu Dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	105.576,0	105.576,0		105.576,0					
b) Tiêu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN	89.815,0	84.815,0	8.286,0	67.431,0	447,0	8.651,0	0,0	5.000,0	0,0
- Nội dung số 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	70.409,0	67.409,0		59.744,0		7.665,0		3.000,0	
- Nội dung số 02: Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý	19.406,0	17.406,0	8.286,0	7.687,0	447,0	986,0		2.000,0	
- Nội dung số 03: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào DTTS&MN									
4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	255.114,0	255.114,0	218.839,0	23.291,0	11.819,0	1.165,0	0,0	0,0	0,0
a) Tiêu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN	255.114,0	255.114,0	218.839,0	23.291,0	11.819,0	1.165,0	0,0	0,0	0,0
- Nội dung số 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng DTTS&MN	215.180,0	215.180,0	180.953	23.291,0	9.771,0	1.165,0			

Nội dung	Kế hoạch huy động, phân bổ nguồn lực năm 2023									
	Tổng số	Ngân sách đầu tư trực tiếp				Vốn lồng ghép	Tín dụng	DN, tổ chức, cá nhân		
		Tổng số	NSTU		NSDP					
			ĐTPT	SN	ĐTPT				SN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
- Nội dung số 02: Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào DTTS&MN	8.064,0	8.064,0	7.651		413					
- Nội dung 3: Đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị cho các trạm y tế xã bảo đảm đạt chuẩn	777,0	777,0	737		40					
- Nội dung 4: Đầu tư cứng hóa đường đến trung tâm xã chưa được cứng hóa; ưu tiên đầu tư đối với các xã chưa có đường từ trung tâm huyện đến trung tâm xã, đường liên xã (từ trung tâm xã đến trung tâm xã)	31.093,0	31.093,0	29.498		1.595					
5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	128.512,0	128.512,0	36.355,0	85.873,0	1.963,0	4.321,0	0,0	0,0	0,0	
a) Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường Phổ thông có học sinh bán trú (trường phổ thông có HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS	51.917,0	51.917,0	36.355	12.650,0	1.963	949,0				
b) Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS	12.425,0	12.425,0		12.425,0						
c) Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN	48.356,0	48.356,0		44.984,0		3.372,0				
d) Tiểu Dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	15.814,0	15.814,0		15.814,0						
6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch	21.299,0	21.299,0	10.577,0	9.667,0	571,0	484,0				
7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	25.315,0	25.315,0	14.470,0	9.584,0	781,0	480,0				
8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ 2em	24.354,0	24.354,0		23.194,0		1.160,0				
9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	18.865,0	18.865,0	0,0	17.966,0	0,0	899,0	0,0	0,0	0,0	
a) Tiểu Dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nhóm dân tộc còn gặp nhiều khó khăn	13.863,0	13.863,0		13.203,0		660,0				

Nội dung	Kế hoạch huy động, phân bổ nguồn lực năm 2023								
	Tổng số	Ngân sách đầu tư trực tiếp				Vốn lồng ghép	Tín dụng	DN, tổ chức, cá nhân	
		Tổng số	NSTU		NSDP				
			ĐTPT	SN	ĐTPT				SN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
b) Tiêu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống của các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù.	5.002,0	5.002,0		4.763,0		239,0			
10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương	28.152,0	28.152,0	10.055,0	16.720,0	543,0	834,0	0,0	0,0	0,0
a) Tiêu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín, phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và CTMTQG	11.637,0	11.637,0		11.008,0		629,0			
b) Tiêu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	12.718,0	12.718,0	10.055,0	2.120,0	543,0				
c) Tiêu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện CT	3.797,0	3.797,0		3.592,0		205,0			